

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/10/2020.

V/v: “*Xin ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.
2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Lưu Quang H**, sinh năm: 1980. (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Số 88 đường Cao Thắng, khu phố 3, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: Ấp Sua Đũa, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà **Thạch Thị S**, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Số 88 đường Cao Thắng, khu phố 3, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn ông Lưu Quang H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Quang H và bà Thạch Thị S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch Đông, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 29/6/2006. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và bất hòa trầm trọng, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp và thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Ông H và bà S đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành và đã ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Hiện nay, bà S đã có người đàn ông khác nên không còn tình cảm với chồng và không quan tâm đến gia đình. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông H xác nhận giữa ông và bà S quá trình chung sống có 02 người con chung tên Lưu Quang H1, sinh ngày 28/6/2007 và Lưu Ngọc H2, sinh ngày 03/11/2013, hiện nay đang sống cùng với ông H. Ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác nhận không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lưu Quang H vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày.

** Bị đơn bà Thạch Thị S vắng mặt tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Lưu Quang H khởi kiện xin ly hôn với bà Thạch Thị S có nơi đăng ký thường trú tại số 88 đường Cao Thắng, khu phố 3, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Thạch Thị S đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của bà S là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Lưu Quang H và bà Thạch Thị S tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch Đông, thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/6/2006, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông H khởi kiện xin ly hôn bà S với lý do: Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hòa và cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Ông H và bà S đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành và cũng đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay.

Bị đơn bà Thạch Thị S đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà S vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do ông H cung cấp. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà S đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà S vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, ông H xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lưu Quang H.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lưu Quang H.

[4] *Về con chung*: Ông Lưu Quang H xác nhận giữa ông và bà S có 02 người con chung tên Lưu Quang H1, sinh ngày 28/6/2007 và Lưu Ngọc H2, sinh ngày 03/11/2013, hiện nay đang sống cùng với ông H. Ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung và xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy con chung đang sống cùng với ông H, nên cần thiết giao cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống, điều này cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Lưu Quang H1. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của ông Lưu Quang H.

Bà Thạch Thị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà S thực hiện các quyền này.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông H xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên tự nguyện không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện này.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Lưu Quang H xác định giữa ông và bà S không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu

cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Lưu Quang H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001890 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Ông Lưu Quang H đã nộp đủ án phí phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lưu Quang H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Quang H được ly hôn với bà Thạch Thị S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lưu Quang H1, sinh ngày 28/6/2007 và Lưu Ngọc H2, sinh ngày 03/11/2013 cho ông Lưu Quang H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc không yêu cầu bà Thạch Thị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, nếu ông H gặp khó khăn về kinh tế, thì có quyền yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trong trường hợp ông H không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bà Thạch Thị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà S thực hiện các quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lưu Quang H xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết hiện nay không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu bà Thạch Thị S có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Ông Lưu Quang H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001890 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Ông Lưu Quang H đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/10/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh